TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ KONTUM** **TỈNH KONTUM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 16/4/2024.
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KONTUM, TỈNH KONTUM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Hồng Dung.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông A Ưm và bà Chế Thị Mai.
Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Bùi Thị Hòa – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Kon Tum, Tỉnh KonTum .
Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Nhất – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum.

Ngày 16/4/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Kon Tum - tỉnh Kon Tum, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 212/2023/TLST- HNGĐ, ngày 28 tháng 12 năm 2023, về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Y Ái K, sinh năm 1999.
Địa chỉ: Thôn P, xã I, thành phố K, tỉnh Kon Tum. "Có mặt".
- Bị đơn: Anh A H, sinh năm 1991.
Địa chỉ: Thôn N, xã K, thành phố K, tỉnh Kon Tum. "Vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa thì chị Y Ái K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh A H chung sống với nhau có tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, việc kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã I, thành phố K, tỉnh Kon Tum vào ngày 05/4/2017. Trong thời gian chung sống anh A H thường xuyên uống rượu say xỉn, đánh đập chị nên chị đã bỏ về mẹ đẻ ở. Vợ, chồng chị không còn liên quan đến nhau, việc ai người ấy làm, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh A H.

Về con chung: Yêu cầu Tòa án giao con chung là A H1, sinh ngày 08/6/2015 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung là A H2, sinh ngày 16/7/2018 cho anh A H trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án chị thay đổi về yêu cầu giải quyết nuôi con sau ly hôn là: yêu cầu Tòa án giao cả 02 con chung cho anh

H trực tiếp nuôi dưỡng, chị sẽ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 750.000 đồng /1 cháu. Lý do, Vợ chồng chị mâu thuẫn nên anh H đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ đầu năm 2022 cho đến nay, anh H là người trực tiếp nuôi cả 02 con trong thời gian vợ, chồng không chung sống với nhau, anh H vẫn chăm sóc các cháu tốt; Về khả năng đóng góp tiền nuôi con thì chị chỉ đóng góp được 750.000 đồng cho 1 cháu vì chị đang ở nhờ nhà mẹ đẻ, không có công ăn việc làm, ai thuê việc gì chị làm việc đó, thu nhập trung bình một tháng của chị khoảng 3.500.000 đồng; Mẹ chị trên 75 tuổi không có bất cứ khoản trợ cấp nào nên chị phải nuôi mẹ già, không có khả năng đóng tiền nuôi con nhiều hơn. Việc chị thay đổi nội dung này là hoàn toàn tự

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết; Về án phí DSST chị nhận chịu toàn bộ.

Bị đơn: Anh A H đã được Tòa án thông báo, triệu hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh A H không tham gia tố tụng, không có ý kiến về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:**

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện tốt các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật; Trong quá trình giải quyết vụ án và bị đơn anh A H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên đề nghị xét xử vắng mặt anh A H.

- Về nội dung vụ án: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Y Ái K. Chị Y Ái K được ly hôn với anh A H. Vì hôn nhân đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Về con chung: Giao con chung là A H1, sinh ngày 08/6/2015 và A H2, sinh ngày 16/7/2018 cho anh A H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, chị K phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 750.000 đồng /1 cháu. Anh A H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết; Án phí dân sự sơ thẩm chị Y Ái K phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm a khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. HĐXX xét thấy, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Kon Tum nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án thành phố Kon Tum giải quyết là đúng quy định của pháp luật; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa mà vẫn

vắng mặt không có lý do nên xét xử vắng mặt bị đơn như đại diện VKS đề nghị là đúng pháp luật cần chấp nhận.

[2] *Về nội dung vụ án:*

- Quan hệ hôn nhân: Chị Y Ái K và anh A H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn, việc kết hôn là tự nguyện, được xác định là hôn nhân hợp pháp.

- Xét nguyên nhân mâu thuẫn: Yêu cầu khởi kiện của chị Y Ái K xin được ly hôn với anh A H, anh A H đã biết nhưng anh H không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị Y Ái K nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết. Theo các tài liệu, chứng cứ có hồ sơ vụ án và lời trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn thì chị Y Ái K cho rằng vợ, chồng mâu thuẫn là do anh A H thường xuyên uống rượu say xỉn, đánh đập chị. Vợ, chồng chị không còn chung sống với nhau từ năm 2022 đến nay, việc ai người ấy làm, không ai quan tâm đến ai. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh A H. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ, chồng của chị Y Ái K và anh A H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Y Ái K là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Chị Y Ái K được ly hôn với anh A H.

- Về con chung: Vợ, chồng chị K và anh H sinh được 02 con chung là A H1, sinh ngày 08/6/2015 và A H1, sinh ngày 16/7/2018. Tại đơn khởi kiện chị K đã yêu cầu Tòa án giao cho mỗi người nuôi một cháu, không bên nào phải đóng góp tiền nuôi con. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị K đã thay đổi yêu cầu giải quyết nuôi con sau ly hôn là: Yêu cầu Tòa án giao cả 02 con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị sẽ đóng góp tiền nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 750.000 đồng/1 cháu. Lý do, từ khi vợ, chồng chị không còn chung sống với nhau thì anh H là người trực tiếp nuôi cả 02 con, anh vẫn chăm sóc các cháu tốt. Về khả năng đóng góp tiền nuôi con thì chị đang ở nhờ nhà mẹ đẻ, không có công ăn việc làm, ai thuê việc gì chị làm việc đó, thu nhập trung bình một tháng của chị được khoảng 3.500.000 đồng. Mẹ chị đã trên 75 tuổi không có tiền trợ cấp, chị phải nuôi mẹ già nên chị chỉ đóng góp được 750.000 đồng cho 1 cháu. Việc chị thay đổi nội dung này là hoàn toàn tự nguyện. Xét thấy, việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của chị K là tự nguyện nên căn cứ Điều 5 Bộ Luật Tố tụng dân sự cần chấp nhận. Về yêu cầu của chị K thấy rằng, khi ly hôn hai bên có quyền thỏa thuận việc nuôi con sau ly hôn nhưng anh H biết việc khởi kiện về yêu cầu giải quyết nuôi con nhưng không có ý kiến gì do đó Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con. Từ khi chị K và anh H không còn chung sống với nhau thì anh H là người trực tiếp nuôi cả 02 con chung, không có sự chăm sóc của chị K nhưng anh H vẫn nuôi con khỏe mạnh và cho học hành tốt; Nguyện vọng của các cháu không được anh H hợp tác cho hỏi ý kiến của các cháu; việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn thì căn cứ vào khả năng thu nhập của bên cấp dưỡng. Chị K không có công việc và thu nhập ổn định, còn nuôi mẹ già nên việc chị K tự nguyện đóng góp tiền nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 750.000 đồng/1 cháu, thời

gian cấp dưỡng kể từ khi làm đơn khởi kiện là phù hợp cần chấp nhận. Căn cứ các Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của chị K là giao cả 02 con chung cho anh A H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, chị K phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 750.000 đồng /1 cháu, kể từ khi làm đơn khởi kiện và anh A H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là có căn cứ và đúng pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không ai yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo định kỳ theo quyết định của tòa án là 300.000 đồng, chị K phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đề ngày 13/12/2023 về: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" của nguyên đơn chị Y Ái K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Y Ái K được ly hôn với anh A H.

2. Về con chung: Giao con chung là A H1, sinh ngày 08/6/2015 và A H2, sinh ngày 16/7/2018 cho anh A H trực tiếp trông nom nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, chị Y Ái K phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 750.000 đồng (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng*)/1 cháu, thời điểm cấp dưỡng từ ngày làm đơn khởi kiện 13/12/2023 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Chị Y Ái K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 6; Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo định kỳ theo quyết định của Tòa án là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), chị Y Ái K phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Y Ái K đã nộp theo biên lai số 0000639 ngày 28/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Chị Y Ái K còn phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 16 tháng 4 năm 2024), nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh KonTum;
- VKSND TP KonTum;
- Chi cục THA dân sự TP KonTum;
- Các đương sự;
- UBND nơi thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Vũ Thị Hồng Dung